

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 372/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 16-7-2026

*V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Bích Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Thu.

2. Bà Lê Thị Thanh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2- Tuyên Quang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2- Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Hùng Thị Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2- Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số: 178/2026/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2026 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 77/2026/QĐST-HNGĐ ngày 07/7/2026 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Chúc Thị C, sinh năm 2001 (*có đơn xin xét xử vắng mặt*).

- Bị đơn: Anh Triệu Văn B, sinh năm 1998 (*vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không có lý do*).

Cùng địa chỉ: Thôn T, T, tỉnh Tuyên Quang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Chúc Thị C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Chúc Thị C và anh Triệu Văn B được cưới hỏi theo phong tục tập quán vào năm 2018, đã kết hôn trên tinh thần tự nguyện và đăng ký kết hôn hợp pháp vào ngày 23/9/2019 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang (nay là UBND xã T, tỉnh Tuyên Quang). Sau khi kết hôn chị C và

anh B chung sống tại thôn T, xã T, tỉnh Tuyên Quang, chị C và anh B chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh Ba K quan tâm tới gia đình vợ con dẫn tới vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Khi mâu thuẫn xảy ra chị C và anh B đã cố gắng cùng nhau sửa chữa những mâu thuẫn vợ chồng nhưng không khắc phục được. Chị C và anh B đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Chị C xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể kéo dài thêm. Chị C xin được ly hôn với anh Triệu Văn B.

Về con chung: Chị Chúc Thị C và anh Triệu Văn B có 01 con chung tên là Triệu Văn C1, sinh ngày 12/9/2019. Khi ly hôn chị C mong muốn được nuôi cháu C1 và không yêu cầu anh Ba P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị C và anh B không có, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã Thông báo, triệu tập anh Triệu Văn B đến để giải quyết việc Chúc Thị C đề nghị ly hôn nhưng anh B đều không có mặt và không có ý kiến trình bày đối với nội dung yêu cầu khởi kiện của chị Chúc Thị C. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay anh B vẫn đăng ký thường trú tại thôn T, xã T, tỉnh Tuyên Quang. Theo lời khai của anh Triệu Văn H (anh trai ruột của anh Triệu Văn B) cung cấp như sau: Anh B và chị C được tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và được hai bên gia đình tổ chức lễ ăn hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn chị C, anh B chung sống cùng gia đình anh H tại thôn T, xã T, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi sinh con được vài tháng, anh B đi làm công nhân ở thành phố Hải Phòng, thời gian đầu anh B vẫn thường xuyên về thăm gia đình, đến khi cháu C1 được khoảng gần hai tuổi chị C đi làm công nhân ở tỉnh Bắc Ninh thì đi khỏi nhà luôn, không về thăm gia đình, khi cháu C1 được khoảng 3, 4 tuổi thì anh B ít khi về thăm gia đình. Anh H không nắm được nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, chỉ biết chị C và anh B đi làm công ty ở hai tỉnh khác nhau, không sống cùng nhau và ít khi về thăm gia đình.

Anh H cho biết chị C và anh B có 01 con chung là cháu Triệu Văn C1, hiện nay đang sống cùng gia đình anh H và ông bà nội.

Anh H xác định, việc chị C nộp đơn khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án anh B có được biết, tuy nhiên do anh B đang đi làm ăn xa nên không thể về theo Giấy triệu tập của Tòa án. Địa chỉ cụ thể nơi làm việc của anh B ở đâu thì anh H cũng không được biết, nên anh H không cung cấp được địa chỉ nơi làm việc của anh B cho Tòa án, anh H xác định khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án anh H đã thông báo cho anh B biết việc chị C xin ly hôn nhưng anh B không về. Việc chị C xin ly hôn, anh B có trao đổi lại ý kiến, xác định vợ chồng không thể quay lại chung sống với nhau được nữa nhưng anh B không thể xin nghỉ để về làm việc theo thông báo của Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Riêng bị đơn

chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” của chị Chúc Thị C; cho chị C được ly hôn với anh Triệu Văn B.

- Về con chung: Giao cháu Triệu Văn C1, sinh ngày 12/9/2019 cho chị Chúc Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Triệu Văn Ba K phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản và nợ chung chị Chúc Thị C xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy không đề nghị xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Chúc Thị C phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định. Anh Triệu Văn Ba K phải chịu án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Chị Chúc Thị C khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 2-Tuyên Quang giải quyết cho chị ly hôn với anh Triệu Văn B; anh Triệu Văn B đăng ký thường trú tại thôn T, xã T, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2- Tuyên Quang.

Quá trình xác minh tại địa phương cho thấy, anh Triệu Văn B đăng ký thường trú tại thôn T, xã T, tỉnh Tuyên Quang. Anh B đi làm ăn xa, không thông báo địa chỉ nên không rõ địa chỉ cụ thể hiện nay của anh B. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập, gia đình anh B đã thông báo cho anh B nhưng anh B vẫn không về và cũng không thông báo địa chỉ nơi ở và nơi làm việc, đây được xem là trường hợp bị đơn cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 2- Tuyên Quang đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục niêm yết, tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn anh Triệu Văn B vẫn vắng mặt lần thứ hai, chị Chúc Thị C có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân khu vực 2- Tuyên Quang quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị C, anh B có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình; có đăng ký kết hôn vào ngày 23/9/2019 tại UBND xã T, tỉnh Tuyên Quang nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời khai của anh Triệu Văn H và kết quả xác minh tại thôn T, xã T cho thấy: Quá trình chung sống giữa chị C và anh B xảy ra mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau và bất đồng quan điểm sống. Hội đồng xét xử thấy rằng, cuộc sống chung của vợ chồng chị C và anh B thực tế đã không tồn tại từ năm 2023 đến nay; cả hai đều đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy, căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình thì tình trạng hôn nhân của chị C và anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Chúc Thị C, xử cho chị C được ly hôn với anh Triệu Văn B.

[2.2] Về con chung: Chị C và anh B có 01 con chung là cháu Triệu Văn C1, sinh ngày 12/9/2019. Khi ly hôn chị C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu C1 và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án anh B biết được Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ án ly hôn giữa chị C và anh B, nhưng anh B không có văn bản trình bày ý kiến về nguyện vọng của mình về con chung khi ly hôn, hiện nay anh B đi làm ăn xa thường xuyên không có mặt tại địa phương. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Triệu Văn C1, sinh ngày 12/9/2019 cho chị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh Ba K phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn do chị C không yêu cầu, anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Chúc Thị C xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ các Điều 143, 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Chúc Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật, anh Triệu Văn Ba K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” của chị Chúc Thị C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Chúc Thị C được ly hôn với anh Triệu Văn B (*Giấy chứng nhận kết hôn số 27 ngày 23/9/2019 của UBND xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang- Nay là UBND xã T, tỉnh Tuyên Quang*).

2. Về con chung: Giao cháu Triệu Văn C1, sinh ngày 12/9/2019 cho chị Chúc Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Triệu Văn Ba K phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Chúc Thị C phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Chị Chúc Thị C đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000015143213 ngày 20/4/2026 của Đơn vị trung gian thanh toán Công ty cổ phần T và biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 139, ngày 20/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang nay được trừ vào tiền án phí. Chị Chúc Thị C đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Triệu Văn Ba K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Chúc Thị C và anh Triệu Văn B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 2- Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã Tân An- Tuyên Quang;
- Chi cục THADS tỉnh Tuyên Quang;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Bích Ngọc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

**Tưởng Thị Thu
Tâm**

Lê Thị Thanh

Đào Thị Bích Ngọc